

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC
Mã Thành viên : 106
Trụ sở chính : Tầng 5A, Tòa nhà Master Building, số 41- 43 Trần Cao
Vân, P.6, Q.3, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (08)38258106
Fax : (08) 38248655
Người thực hiện công bố
thông tin : Huỳnh Thị Dương Thiện
Điện thoại : 0941567797

Loại thông tin công bố : 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính kiểm toán 6 tháng đầu năm 2020
- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2020;
- Giải trình kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 chênh lệch 10% so với 6 tháng đầu năm 2019.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC vào ngày 13/08/2020 tại đường dẫn: <http://www.asc.com.vn/#/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2020

Người được ủy quyền công bố thông tin



Huỳnh Thị Dương Thiện

CV:30./CV-ASC/2020

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2020

V/v Giải trình LNST 6 tháng đầu năm 2020

lỗ & chênh lệch 10% so với 6 tháng đầu năm 2019

Kính gửi : Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước

Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2020 lỗ & chênh lệch 10% so với 6 tháng đầu năm 2019 như sau:

Chỉ tiêu	01/01 - 30/06/2020	01/01 - 30/06/2019	So sánh	
			Chênh lệch	% CL
1. Doanh thu hoạt động	139.368.402	4.932.301.931	(4.792.933.529)	(97%)
2. Chi phí	2.222.487.503	3.084.162.467	(861.674.964)	(28%)
- Chi phí hoạt động kinh doanh	1.373.050.188	1.507.605.002	(134.554.814)	(9%)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	849.437.315	1.576.557.465	(727.120.150)	(46%)
3. Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(2.083.119.101)	1.848.139.464	(3.931.258.565)	(213%)
4. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(2.083.119.101)	1.596.070.964	(3.679.190.065)	(231%)

- Doanh thu hoạt động giảm 4,79 tỷ đồng (tương đương 97%) so với 6 tháng đầu năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu là do các hợp đồng tư vấn của ASC mang tính chất dài hạn, trong kỳ ít dự án được hoàn thành; ngoài ra còn một số hợp đồng khác bị đình trệ do ảnh hưởng của dịch Covid 19.

- Chi phí giảm 861 triệu đồng (tương đương 28%) chủ yếu là do không phát sinh dự phòng các khoản phải thu khó đòi như năm 2019, đồng thời kiểm soát chi phí tốt hơn trong tình hình khó khăn.

→ Doanh thu giảm mạnh dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2020 của ASC lỗ 3,6 tỷ đồng (tương đương 231%) so với cùng kỳ năm 2019.

Trân trọng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Tổng Giám đốc *Abu*



Đặng Quang Tỷ

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 04
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	05 - 06
3. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020	07 - 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020	09 - 10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020	11 - 13
6. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020	14
7. Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020	15 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC (sau đây gọi tắt là “Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á, là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 106/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 4 năm 2009 và theo các giấy phép điều chỉnh sau:

<u>Giấy phép thành lập và hoạt động số</u>	<u>Ngày</u>
Giấy phép 313/UBCK-GP	Ngày 15 tháng 03 năm 2010
Giấy phép 327/UBCK-GP	Ngày 26 tháng 05 năm 2010
Giấy phép 98/GPĐC-UBCK	Ngày 06 tháng 07 năm 2012
Giấy phép 36/GPĐC-UBCK	Ngày 12 tháng 08 năm 2015
Giấy phép 04/GPĐC-UBCK	Ngày 25 tháng 01 năm 2017

Vốn điều lệ : 56.000.000.000 đồng.

Vốn pháp định : 10.000.000.000 đồng.

2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (28) 3825 8106

Fax : +84 (28) 3824 8655

Mã số thuế : 0 3 0 9 6 6 6 4 5 1

3. Ngành nghề hoạt động

Hoạt động chính của công ty trong giai đoạn tài chính hiện tại là tư vấn tài chính

4. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

4.1 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Phan Minh Hoàn	Chủ tịch	24/02/2010	-
Ông Đặng Quang Tý	Thành viên	06/05/2014	-
Bà Đặng Vũ Thanh Hà	Thành viên	22/09/2014	-

4.2 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Thái Minh	Trưởng Ban	26/04/2018	-
Bà Đặng Thị Minh Thư	Thành viên	23/12/2014	-

4.3 Ban Tổng Giám đốc và Quyền kế toán trưởng

Ban Tổng Giám đốc và Quyền kế toán trưởng của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đặng Quang Tý	Tổng Giám đốc	01/11/2013	-
Ông Nguyễn Đăng Khôi	Phó Tổng Giám đốc	29/08/2019	-
Bà Phan Thị Minh Huyền	Q. Kế toán trưởng	05/08/2014	-

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Minh Hoàn – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Đặng Quang Tý - Tổng Giám đốc, được Ông Phan Minh Hoàn ủy quyền ký báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 theo Giấy Ủy quyền số 01A/2015/QĐUQ-ASC ngày 27/01/2015.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ từ trang 07 đến trang 28.

7. Sự kiện quan trọng trong kỳ và đến ngày lập báo cáo

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 của Công ty.

9. Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty. Không một thành viên nào của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc có bất cứ khoản lợi nào từ một hợp đồng được ký kết với các công ty hay các bên liên quan.

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, các luồng lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2020.

TM. Ban Tổng Giám đốc



ĐẶNG QUANG TÝ
Tổng Giám đốc

Số: 2284/20/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC, được lập tại ngày 12 tháng 8 năm 2020, từ trang 07 đến trang 28, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2020.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHN kiểm toán số: 1512-2018-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- *Như trên.*
- *Lưu **VIETVALUES.***

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		34.404.188.237	37.017.886.921
110	I. Tài sản tài chính		32.956.256.736	35.754.075.968
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	31.159.573.736	25.051.992.968
111.1	1.1 Tiền		31.159.573.736	25.051.992.968
118	2. Trả trước cho người bán	V.2	9.900.000	109.900.000
119	3. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	V.3	1.385.000.000	1.390.400.000
122	4. Các khoản phải thu khác	V.4	3.726.152.175	12.526.152.175
129	5. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	V.5	(3.324.369.175)	(3.324.369.175)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		1.447.931.501	1.263.810.953
131	1. Tạm ứng	V.6	1.375.700.000	1.256.850.000
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7	8.720.313	6.960.953
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	V.8a	1.130.000.000	1.130.000.000
135	4. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		63.511.188	
139	5. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	V.9	(1.130.000.000)	(1.130.000.000)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		846.248.481	933.544.509
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		720.004.481	807.300.509
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	541.504.481	593.100.509
222	- Nguyên giá		2.376.225.011	2.376.225.011
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.834.720.530)	(1.783.124.502)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.11	178.500.000	214.200.000
228	- Nguyên giá		2.839.121.305	2.839.121.305
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2.660.621.305)	(2.624.921.305)
250	V. Tài sản dài hạn khác		126.244.000	126.244.000
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	V.8b	126.244.000	126.244.000
252	2. Chi phí trả trước dài hạn		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		35.250.436.718	37.951.431.430



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.173.244.815	1.791.120.426
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		1.173.244.815	1.791.120.426
320	1. Phải trả người bán ngắn hạn		-	-
321	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.12	725.500.000	808.500.000
322	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	48.736.217	167.501.581
323	4. Phải trả người lao động		66.504.034	457.219.369
324	5. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		119.115.628	105.265.628
325	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.14	23.117.362	62.362.274
329	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	V.15	190.271.574	190.271.574
400	D. D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		34.077.191.903	36.160.311.004
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.16	34.077.191.903	36.160.311.004
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		56.000.000.000	56.000.000.000
411.1	1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		56.000.000.000	56.000.000.000
417	2. Lợi nhuận chưa phân phối		(21.922.808.097)	(19.839.688.996)
417.1	2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(21.922.808.097)	(19.839.688.996)
417.2	2.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		-	-
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		35.250.436.718	37.951.431.430

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

	A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT		
005	1. Ngoại tệ các loại (nguyên tệ)		38,82
006	2. Cổ phiếu đang lưu hành		5.600.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN		-

Người lập biểu


PHAN THỊ MINH HUYỀN

Q. Kế toán trưởng


PHAN THỊ MINH HUYỀN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2020.

Tổng Giám đốc


ĐẶNG QUANG TÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
1	2	3	4	5
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		-	-
08	1.2. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	VI.1	-	383.450.000
10	1.3. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	VI.1	138.181.818	4.546.363.636
11	1.4. Thu nhập hoạt động khác		-	-
20	Cộng doanh thu hoạt động		138.181.818	4.929.813.636
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
27	2.1. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		-	-
29	2.2. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		-	(117.264.299)
30	2.3. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		-	-
31	2.4. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		(1.373.050.188)	(1.390.340.703)
32	2.5. Chi phí các dịch vụ khác		-	-
40	Cộng chi phí hoạt động	VI.2	(1.373.050.188)	(1.507.605.002)
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
42	3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng		1.186.584	2.488.295
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		1.186.584	2.488.295
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
52	4.1. Chi phí lãi vay		-	-
60	Cộng chi phí tài chính		-	-
61	V. CHI PHÍ BÁN HÀNG		-	-
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	VI.3	(849.437.315)	(1.576.557.465)
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		(2.083.119.101)	1.848.139.464

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
1	2	3	4	5
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
80	Cộng kết quả hoạt động khác		-	-
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		(2.083.119.101)	1.848.139.464
91	9.1. Lợi nhuận đã thực hiện		-	-
92	9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		-	-
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	(252.068.500)
100.1	10.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	V.13	-	(252.068.500)
100.2	10.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		(2.083.119.101)	1.596.070.964
300	XII THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU		-	-
400	Tổng thu nhập toàn diện		(2.083.119.101)	1.596.070.964
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	VI.4	(372)	285
502	13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	VI.5	(372)	285

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2020.

Người lập biểu

Q. Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



PHAN THỊ MINH HUYỀN



PHAN THỊ MINH HUYỀN




ĐẶNG QUANG TÝ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
1	2	3	4	5
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp		(2.083.119.101)	1.848.139.464
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		87.296.028	603.205.658
03	- Khấu hao TSCĐ	V.10, V.11	87.296.028	91.081.824
04	- Các khoản dự phòng		-	512.123.834
05	(- Lãi) hoặc (+ lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện.		-	-
06	- Chi phí lãi vay		-	-
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		-	-
08	- Dự thu tiền lãi		-	-
09	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		-	-
11	- Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		-	-
12	- Lỗ suy giảm giá trị Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		-	-
13	- Lỗ suy giảm giá trị Các khoản cho vay		-	-
14	- Lỗ về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý TSTC sẵn sàng để bán AFS khi phân loại lại		-	-
15	- Suy giảm giá trị của các tài sản cố định, BĐSĐT		-	-
16	- Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
17	- Lỗ khác		-	-
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		-	-
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		-	-
20	- Lãi về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý TSTC sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại		-	-
21	- Lãi khác		-	-
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.995.823.073)	2.451.345.122
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		-	-
32	- Tăng (giảm) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		-	-
33	- Tăng (giảm) Các khoản cho vay		-	-
34	- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS		-	-
35	(-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		-	-
36	(-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		-	-
37	(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		5.400.000	-
38	(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu về lỗi giao dịch các TSTC		-	-
39	(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		8.900.000.000	(1.271.984.000)
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(182.361.188)	(213.000.000)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(39.244.912)	(269.187.099)
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		(1.759.360)	2.948.123
43	(-) Thuế TNDN đã nộp		(21.755.249)	-
44	(-) Lãi vay đã trả		-	-
45	- Tăng (giảm) phải trả cho người bán		-	(5.040.000)
46	- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		13.850.000	17.502.000
47	- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		(97.010.115)	(455.986.480)
48	- Tăng (giảm) phải trả người lao động		(390.715.335)	(167.682.400)
49	- Tăng (giảm) phải trả về lỗi giao dịch các TSTC		-	-
50	- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác		(83.000.000)	(1.526.800.000)
51	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	-
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		6.107.580.768	(1.437.884.734)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
1	2	3	4	5
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		-	-
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		-	-
63	3. Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		-	-
64	4. Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		-	-
65	5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		-	-
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
71	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
72	2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành		-	-
73	3. Tiền vay gốc		-	-
73.1	3.1. Tiền vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán		-	-
73.2	3.2. Tiền vay khác		-	-
74	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	-
74.1	4.1. Tiền chi trả gốc vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán		-	-
74.2	4.2. Tiền chi trả nợ gốc vay tài sản tài chính		-	-
74.3	4.3. Tiền chi trả gốc vay khác		-	-
75	5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
76	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
90	IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ		6.107.580.768	(1.437.884.734)
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		25.051.992.968	33.528.621.317
101.1	- Tiền		25.051.992.968	33.528.621.317
101.2	- Các khoản tương đương tiền		-	-
102	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		31.159.573.736	32.090.736.583
103.1	- Tiền		31.159.573.736	32.090.736.583
103.2	- Các khoản tương đương tiền		-	-
104	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
1	2	3	4	5
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		-	-
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		-	-
03	3. Tiền thu bán chứng khoán ủy thác của khách hàng		-	-
04	4. Tiền chi bán chứng khoán ủy thác của khách hàng		-	-
05	5. Thu vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán		-	-
06	6. Chi trả vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán		-	-
07	7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		-	-
08	8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		-	-
09	9. Nhận tiền gửi của Nhà đầu tư cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng		-	-
10	10. Chi trả cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng		-	-
11	11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		-	-
12	12. Thu lỗi giao dịch chứng khoán		-	-
13	13. Chi lỗi giao dịch chứng khoán		-	-
14	14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		-	-
15	15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		-	-
20	Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ		-	-
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng		-	-
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:			
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		-	-
	Trong đó có kỳ hạn		-	-
33	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		-	-
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		-	-
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		-	-
	Trong đó có kỳ hạn		-	-
36	Các khoản tương đương tiền		-	-
37	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng		-	-
41	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:			
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		-	-
	Trong đó có kỳ hạn		-	-
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		-	-
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		-	-
45	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		-	-
	Trong đó có kỳ hạn		-	-
46	Các khoản tương đương tiền		-	-
47	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-

Người lập biểu

Q. Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2020.

Tổng Giám đốc

PHAN THỊ MINH HUYỀN

PHAN THỊ MINH HUYỀN



ĐANG QUANG TÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

ĐVT: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng giảm trong kỳ				Số cuối kỳ	
		Ngày 01/01/2019	Ngày 01/01/2020	06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019		06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020		Ngày 30/06/2019	Ngày 30/06/2020
		1	2	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	7	8
A	B			3	4	5	6		
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		56.000.000.000	56.000.000.000	-	-	-	-	56.000.000.000	56.000.000.000
1.1. Vốn pháp định		35.000.000.000	35.000.000.000	-	-	-	-	35.000.000.000	35.000.000.000
1.2. Vốn bổ sung		21.000.000.000	21.000.000.000	-	-	-	-	21.000.000.000	21.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối		(19.926.709.991)	(19.839.688.996)	1.596.070.964	-	-	2.083.119.101	(18.330.639.027)	(21.922.808.097)
2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(19.926.709.991)	(19.839.688.996)	1.596.070.964	-	-	2.083.119.101	(18.330.639.027)	(21.922.808.097)
2.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng		36.073.290.009	36.160.311.004	1.596.070.964	-	-	2.083.119.101	37.669.360.973	34.077.191.903
II. Thu nhập toàn diện khác		-	-	-	-	-	-	-	-

Người lập biểu



PHAN THỊ MINH HUYỀN

Q. Kế toán trưởng



PHAN THỊ MINH HUYỀN



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2020.

Tổng Giám đốc



DANG QUANG TY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của công ty trong kỳ kế toán hiện tại là tư vấn đầu tư chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của công ty trong kỳ kế toán hiện tại là tư vấn đầu tư chứng khoán.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kết quả kinh doanh trong kỳ của Công ty lỗ là do ảnh hưởng của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Sars - Covid 2 (Covid 19) dẫn đến số lượng và giá trị ký kết các hợp đồng tư vấn bị giảm và theo dự đoán sẽ còn tiếp tục ảnh hưởng trong tương lai.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 16 nhân viên đang làm việc, số lao động tại ngày đầu năm là 19 nhân viên.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực Kế toán và Chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo đó, Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ, biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ban hành ngày 27 tháng 12 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

3. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí quản lý công ty chứng khoán” trong kỳ.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ một 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ một 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung ở Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc	08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08
Thiết bị văn phòng	04

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 04 năm.

7. Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ dần từ ba (3) đến ba mươi sáu (36) tháng vào báo cáo kết quả hoạt động: Chi phí thuê văn phòng và Chi phí vật dụng văn phòng.

9. Các khoản phải trả và chi phí trả trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lỗi chưa phân phối

Lỗi chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lỗi chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Lỗi đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác: tư vấn quản trị công ty cổ phần; tư vấn cổ phần hóa, xác định giá trị doanh nghiệp; tư vấn & tổ chức Đại hội cổ đông; tư vấn tài chính doanh nghiệp

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt tại quỹ	300.983.397	318.205.413
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	30.858.590.339	24.733.787.555
Cộng	<u>31.159.573.736</u>	<u>25.051.992.968</u>

2. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	9.900.000	109.900.000
- Công ty CP Thẩm định giá và Tư vấn đầu tư Việt Nam	9.900.000	9.900.000
- Phải trả người bán khác	-	100.000.000
Cộng	<u>9.900.000</u>	<u>109.900.000</u>

3. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	1.385.000.000	1.390.400.000
- Công ty CP Quảng cáo Tổ chức Sự kiện và Tư vấn Vạn Tín	1.355.000.000	1.355.000.000
- Các khách hàng khác	30.000.000	35.400.000
Cộng	<u>1.385.000.000</u>	<u>1.390.400.000</u>

Trong đó: khoản nợ phải thu trên 90 ngày 1.355.000.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	3.724.369.175	3.324.369.175	12.524.369.175	3.324.369.175
- Công ty CP Hoàn Lộc Việt	400.000.000	-	9.200.000.000	-
- Công ty CP Mua bán nợ Miền Nam	3.324.369.175	3.324.369.175	3.324.369.175	3.324.369.175
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.783.000	-	1.783.000	-
Cộng	3.726.152.175	3.324.369.175	12.526.152.175	3.324.369.175

Trong đó: khoản nợ phải thu trên 90 ngày là 3.324.369.175 đồng.

5. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Nợ quá hạn	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Nợ quá hạn	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan		3.324.369.175	-		3.324.369.175	-
- Công ty Cổ phần mua bán nợ Miền Nam (SDTC)	Trên 3 năm	3.324.369.175	-	Trên 3 năm	3.324.369.175	-
Cộng		3.324.369.175	-		3.324.369.175	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(3.324.369.175)	(2.355.256.507)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(512 123 834)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	(3.324.369.175)	(2.867.380.341)

6. Tạm ứng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Các khoản tạm ứng cho nhân viên	1.375.700.000	-	1.256.850.000	-
Cộng	1.375.700.000	-	1.256.850.000	-

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Đầu năm
Thiết bị, truyền dẫn	8.720.313	6.960.953
Cộng	8.720.313	6.960.953

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

8. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn và dài hạn**8.a Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược cho bên liên quan	1.130.000.000	1.130.000.000	1.130.000.000	1.130.000.000
- Công ty CP Mua bán nợ Miền Nam (*)	1.130.000.000	1.130.000.000	1.130.000.000	1.130.000.000
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược cho bên khác	-	-	-	-
Cộng	1.130.000.000	1.130.000.000	1.130.000.000	1.130.000.000

(*) Là khoản tiền đặt cọc cho Hợp đồng số 01/2013/ASC-SDTC ký ngày 14 tháng 01 năm 2013 và Hợp đồng số 112/2013/ASC-SDTC ký ngày 27 tháng 06 năm 2013 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Mua bán nợ Miền Nam. Theo hợp đồng trên, Công ty CP Mua bán nợ Miền Nam chịu trách nhiệm hỗ trợ Công ty tìm kiếm các đối tác có nhu cầu mua bán các khoản nợ của các doanh nghiệp mà Công ty đang tư vấn về tái cấu trúc doanh nghiệp.

8.b Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn

	Số cuối kỳ	Đầu năm
- Thuê văn phòng	111.244.000	111.244.000
- Khác	15.000.000	15.000.000
Cộng	126.244.000	126.244.000

9. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Nợ quá hạn	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Nợ quá hạn	Giá trị có thể thu hồi
- Các khoản cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	Trên 3 năm	1.130.000.000	-	Trên 3 năm	1.130.000.000	-
Cộng		1.130.000.000	-		1.130.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

10. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.136.566.194	825.536.363	414.122.454	2.376.225.011
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	1.136.566.194	825.536.363	414.122.454	2.376.225.011
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	1.136.566.194	232.435.854	414.122.454	1.783.124.502
Khấu hao trong kỳ	-	51.596.028	-	51.596.028
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	1.136.566.194	284.031.882	414.122.454	1.834.720.530
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	593.100.509	-	593.100.509
Số cuối kỳ	-	541.504.481	-	541.504.481

Trong đó nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.550.688.648 đồng.

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm tin học	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	2.839.121.305	2.839.121.305
Mua trong kỳ	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	2.839.121.305	2.839.121.305
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	2.624.921.305	2.624.921.305
Khấu hao trong kỳ	35.700.000	35.700.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	2.660.621.305	2.660.621.305
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	214.200.000	214.200.000
Số cuối kỳ	178.500.000	178.500.000

Trong đó nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.590.621.305 đồng.

Phần mềm tin học chủ yếu là: phần mềm giao dịch chứng khoán, phần mềm kế toán và các phần mềm quản lý khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người mua trả tiền trước cho các bên liên quan	-	-
Người mua trả tiền trước cho các nhà cung cấp khác	725.500.000	808.500.000
- Công ty TNHH Môi trường đô thị TPHCM	79.200.000	79.200.000
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích quận 10	55.000.000	55.000.000
- Các khách hàng khác	591.300.000	674.300.000
Cộng	725.500.000	808.500.000

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
- Thuế GTGT	91.278.292	-	-	(90.671.315)	606.977	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.755.249	-	-	(21.755.249)	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	54.468.040	-	85.979.800	(92.318.600)	48.129.240	-
- Thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Cộng	167.501.581	-	88.979.800	(207.745.164)	48.736.217	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.083.119.101)	1.848.139.464
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		-
Thu nhập chịu thuế	(2.083.119.101)	1.848.139.464
Chuyển lỗ từ các Kỳ trước	-	(587.796.966)
Thu nhập tính thuế	-	1.260.342.498
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	252.068.500

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chủ yếu là chi phí tiền điện sinh hoạt phải trả.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí khác phải trả	23.117.362	62.362.274
Cộng	23.117.362	62.362.274

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả cho các bên liên quan</i>	-	
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	190.271.574	190.271.574
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	190.271.574	190.271.574
Cộng	<u>190.271.574</u>	<u>190.271.574</u>

16. Vốn chủ sở hữu**16.a Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.600.000	5.600.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	5.600.000	5.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.600.000	5.600.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.600.000	5.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.600.000	5.600.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/ cổ phiếu)	10.000	10.000

16.b Phân phối lợi nhuận

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số dư đầu năm	(19.839.688.996)	(19.926.709.991)
Lãi/(Lỗ) trong kỳ	(2.083.119.101)	1.596.070.964
Cộng	<u>(21.922.808.097)</u>	<u>(18.330.639.027)</u>

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	<u>Đơn vị tính</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngoại tệ (USD)	USD	38,82	38,82
- Cổ phiếu đang lưu hành	Cổ phiếu	5.600.000	5.600.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)

1. Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
a. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		
- Doanh thu ban đầu	-	383.450.000
- Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
- Doanh thu thuần	-	383.450.000
b. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		
- Doanh thu ban đầu ^(*)	138.181.818	4.546.363.636
- Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
- Doanh thu thuần	138.181.818	4.546.363.636
Cộng	<u>138.181.818</u>	<u>4.929.813.636</u>

^(*) Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Doanh thu hoạt động tư vấn cổ phần hóa	98.181.818	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn dự án	-	4.436.363.636
- Doanh thu hoạt động tư vấn khác	40.000.000	110.000.000
Cộng	<u>138.181.818</u>	<u>4.546.363.636</u>

2. Chi phí hoạt động

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	-	-
- Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	-	117.264.299
- Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	-	-
- Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	1.373.050.188	1.390.340.703
- Chi phí các dịch vụ khác	-	-
Cộng	<u>1.373.050.188</u>	<u>1.507.605.002</u>

3. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	331.508.400	504.678.200
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	6.522.405	35.700.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	87.296.028	51.596.028
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Lập/hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	512.123.834
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	416.170.171	461.620.739
- Chi phí khác bằng tiền	4.940.311	7.838.664
Cộng	<u>849.437.315</u>	<u>1.576.557.465</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.083.119.101)	1.596.070.964
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.083.119.101)	1.596.070.964
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	5.600.000	5.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	(372)	285

5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.083.119.101)	1.596.070.964
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận		-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.083.119.101)	1.596.070.964
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	5.600.000	5.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	(372)	285

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VNĐ)**1. Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3.a Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt(*)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lương và thưởng	208.181.700	263.747.000
Cộng	208.181.700	263.747.000

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

3.b Giao dịch và và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
- Công ty CP Hoàn Lộc Việt	Cổ đông lớn
- Công ty CP mua bán nợ Miền Nam	Kiểm soát chung bởi cổ đông chi phối
- Công ty CP Điện Mặt trời Mỹ Sơn Hoàn Lộc Việt	Kiểm soát chung bởi cổ đông chi phối

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt		
- Chuyển tiền cho Hoàn Lộc Việt	-	14.950.000.000
- Thu hồi tiền từ Hoàn Lộc Việt	8.800.000.000	13.678.016.000
Công ty Cổ phần mua bán nợ Miền Nam (SDTC)		
Không phát sinh	-	-
- Công ty CP Điện Mặt trời Mỹ Sơn Hoàn Lộc Việt		
Không phát sinh	-	-

Số dư với các bên liên quan khác

Là số dư giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt		
- Các khoản phải thu khác	400.000.000	9.200.000.000
Công ty Cổ phần mua bán nợ Miền Nam (SDTC)		
- Các khoản phải thu khác	3.324.369.175	3.324.369.175
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.130.000.000	1.130.000.000

4. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Trong kỳ, hoạt động chính của công ty là tư vấn đầu tư chứng khoán.

Khu vực địa lý

Trong kỳ, hoạt động của Công ty chủ yếu là trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

5. Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đến 1 năm	781.848.588	781.848.588
Trên 1-5 năm	-	-
Cộng	<u>781.848.588</u>	<u>781.848.588</u>

6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2020.

Người lập biểu

Q. Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



PHAN THỊ MINH HUYỀN

PHAN THỊ MINH HUYỀN

ĐẶNG QUANG TÝ

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 – 03
2. Báo cáo Soát xét thông tin tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2020	04 – 05
3. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2020	06 - 16
4. Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2020	17 - 22



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC (sau đây gọi tắt là “Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á, là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 106/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 4 năm 2009 và theo các giấy phép điều chỉnh sau:

<u>Giấy phép thành lập và hoạt động số</u>	<u>Ngày</u>
Giấy phép 313/UBCK-GP	Ngày 15 tháng 03 năm 2010
Giấy phép 327/UBCK-GP	Ngày 26 tháng 05 năm 2010
Giấy phép 98/GPĐC-UBCK	Ngày 06 tháng 07 năm 2012
Giấy phép 36/GPĐC-UBCK	Ngày 12 tháng 08 năm 2015
Giấy phép 04/GPĐC-UBCK	Ngày 25 tháng 01 năm 2017

Vốn điều lệ : 56.000.000.000 đồng.

Vốn pháp định : 10.000.000.000 đồng.

2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (28) 3825 8106

Fax : +84 (28) 3824 8655

Mã số thuế : 0 3 0 9 6 6 6 4 5 1

3. Ngành nghề hoạt động

Hoạt động chính của công ty trong giai đoạn tài chính hiện tại là tư vấn tài chính.

4. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

4.1 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Phan Minh Hoàn	Chủ tịch	24/02/2010	-
Ông Đặng Quang Tý	Thành viên	06/05/2014	-
Bà Đặng Vũ Thanh Hà	Thành viên	22/09/2014	-

4.2 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Thái Minh	Trưởng Ban	26/04/2018	-
Bà Đặng Thị Minh Thư	Thành viên	23/12/2014	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

4.3 Ban Tổng Giám đốc và Quyền kế toán trưởng

Ban Tổng Giám đốc và Quyền kế toán trưởng của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Đặng Quang Tý	Tổng Giám đốc	01/11/2013	-
Ông Nguyễn Đăng Khôi	Phó Tổng Giám đốc	29/08/2019	
Bà Phan Thị Minh Huyền	Q. Kế toán trưởng	05/08/2014	-

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Minh Hoàn – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Đặng Quang Tý - Tổng Giám đốc, được Ông Phan Minh Hoàn ủy quyền ký Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 theo Giấy Ủy quyền số 01A/2015/QĐUQ-ASC ngày 27/01/2015.

6. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2020.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 của Công ty.

8. Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết lập các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã tuân thủ những yêu cầu của Thông tư số 87/2017/TT – BTC ban hành ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2020.

9. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2020. Báo cáo này đã được lập phù hợp với Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2020.

TM. Ban Tổng Giám đốc



ĐẶNG QUANG TÝ
Tổng Giám đốc



Số: 2285/20/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2020

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC, được lập tại ngày 12 tháng 8 năm 2020, từ trang 06 đến trang 22.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 của Công ty phù hợp với quy định tại Thông tư 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC không được lập và trình bày phù hợp với quy định của Thông tư 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2020.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES**



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 1512-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

V/v: báo cáo chỉ tiêu tỷ lệ an toàn tài chính

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
(BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG)

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2020.

Quyền kế toán trưởng

Trưởng Bộ phận kiểm soát nội bộ

Tổng Giám đốc



PHAN THỊ MINH HUYỀN



NGUYỄN THỊ MỸ TIÊN



ĐẶNG QUANG TÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC*Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính***I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG**

ĐVT: VNĐ

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD (1)	Khoản giảm trừ (2)	Khoản tăng thêm (3)
A.	Nguồn vốn			
1	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	56.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-		
3	Cổ phiếu Quỹ	-		
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn	-		
5	Vốn khác của chủ sở hữu	-		
6	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	-		
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-		
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-		
9	Quỹ khác thuộc Vốn Chủ sở hữu	-		
10	Lợi nhuận chưa phân phối	(21.922.808.097)		
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	4.454.369.175		
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
15	Toàn bộ phần tăng thêm hoặc giảm đi của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		-	-
16	Vốn khác (nếu có)	-		
1A	Tổng	38.531.561.078	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD (1)	Khoản giảm trừ (2)	Khoản tăng thêm (3)
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tài sản tài chính			
1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			-
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			-
4	Các khoản cho vay			
5	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			-
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp			
7	Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết			
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			-
10	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		1.355.000.000	
11	Phải thu nội bộ			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống - Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
12	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
13	Các khoản phải thu khác			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		3.324.369.175	
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			
II	Tài sản ngắn hạn khác			

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
1	Tạm ứng			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày			-
2	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ			-
3	Chi phí trả trước ngắn hạn		8.720.313	
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		1.130.000.000	
5	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		63.511.188	
6	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			-
7	Tài sản ngắn hạn khác			-
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác			
1B	Tổng		- 5.881.600.676	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
C	Tài sản dài hạn	(1)	(2)	(3)
I	Tài sản tài chính dài hạn			
1	Các khoản phải thu dài hạn		-	
2	Các khoản đầu tư			
2.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
2.2	Đầu tư vào công ty con		-	
2.3	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	
2.4	Đầu tư dài khác		-	
II	Tài sản cố định		720.004.481	
III	Bất động sản đầu tư		-	
IV	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	
V	Tài sản dài hạn khác			
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		126.244.000	
2	Chi phí trả trước dài hạn		-	
3	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		-	
4	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		-	
5	Tài sản dài hạn khác		-	
VI	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn			
	<i>Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5</i>			
			-	
1C	Tổng	-	846.248.481	-
D	Tài khoản ký quỹ đảm bảo			
1	Giá trị ký quỹ			
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)		-	
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)		-	
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-	
2	Giá trị tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày		-	
1D	Tổng	-	-	-
VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C-1D				31.803.711.921

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG = Vị thế ròng x Giá tài sản x Hệ số rủi ro thị trường

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Qui mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			31.159.573.736	
1	Tiền mặt (VND)	0%	31.159.573.736	
2	Các khoản tương đương tiền	0%	-	
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%		
II. Trái phiếu chính phủ				-
4	Trái phiếu chính phủ không trả lãi	0%		
5	Trái phiếu chính phủ trả lãi suất cố định			
5	Trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ của các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi chính phủ hoặc ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD	3%		
III. Trái phiếu doanh nghiệp				-
6	Trái phiếu niêm yết có thời hạn đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%		
	Trái phiếu niêm yết có thời hạn đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%		
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%		
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%		
7	Trái phiếu không niêm yết có thời hạn đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%		
	Trái phiếu không niêm yết có thời hạn đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%		
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35%		
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%		
IV. Cổ phiếu				-
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh; Chứng chỉ quỹ mở	10%		
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà nội	15%		
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống Upcom	20%		
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%		
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%		

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				-
13	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%		
14	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%		
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				-
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%		
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%		
VII. Chứng khoán khác				-
17	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8%		
18	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3%		
VIII. Các tài sản khác				-
19	Cổ phần, phần vốn góp, và các loại chứng khoán khác	80%		
20	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25%		
21	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn	100%		
22	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8%		
23	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội	10%		
24	Chứng quyền có bảo đảm do Công ty Chứng khoán phát hành			
25	Chứng quyền hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)			
26	Phần chênh lệch giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm			
VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)				
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Qui mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1.	...			
2.	...			
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)				-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

B. RỦI RO THANH TOÁN

Loại hình giao dịch	Hệ số rủi ro (%)	Giá trị rủi ro (VND)						Tổng giá trị rủi ro	
		0%							
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)		
I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán									
1	Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác								
2	Cho vay tài sản tài chính / Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất								
3	Vay tài sản tài chính / Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất								
4	Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại / Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất								
5	Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại / Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất								
6	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (Cho khách hàng vay mua chứng khoán)/ các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất								
TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN									
II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán									
TT	Thời hạn quá hạn	Hệ số rủi ro						Qui mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%						-	-
2	Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%						-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

3	Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%		
4	Từ 60 ngày trở đi	100%		
TỔNG RỦI RO QUÁ HẠN THANH TOÁN				

III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)

Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Hệ số rủi ro	Qui mô rủi ro	Giá trị rủi ro
Cộng			
B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B= I+II+III)			

Ghi chú:

- (1): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Chính phủ, các tổ chức phát hành được chính phủ bảo lãnh, Bộ Tài chính bảo lãnh, Ngân hàng nhà nước, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- (2): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký Chứng khoán
- (3): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ở các nước thuộc khối OECD
- (4): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ở các nước thuộc ngoài khối OECD
- (5): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập và hoạt động ở Việt nam
- (6): Giá trị rủi ro thanh toán đối với các tổ chức cá nhân khác

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)

I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng (tính tới tháng 06 năm 2020)	5.467.542.120
	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	633.473.784
	<i>Chi phí khấu hao</i>	176.484.950
	<i>Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp</i>	-
II.	<i>Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn</i>	-
	<i>Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu</i>	456.988.834
	<i>Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác</i>	-
	<i>Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn</i>	-
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	4.834.068.336
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ	1.208.517.084
V.	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	2.000.000.000
	C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C= Max (IV,V))	2.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/ Vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	-	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	-	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	2.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4 = 1+2+3)	2.000.000.000	
5	Vốn khả dụng	31.803.711.921	
6	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6 = 5/4)	1590%	

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2020

Quyền kế toán trưởng

Trưởng Bộ phận kiểm soát nội bộ



PHAN THỊ MINH HUYỀN

NGUYỄN THỊ MỸ TIÊN

ĐẶNG QUANG TÝ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

I. KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC (sau đây gọi tắt là “Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á, là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 106/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 4 năm 2009 và theo các giấy phép điều chỉnh sau:

<u>Giấy phép thành lập và hoạt động số</u>	<u>Ngày</u>
Giấy phép 313/UBCK-GP	Ngày 15 tháng 03 năm 2010
Giấy phép 327/UBCK-GP	Ngày 26 tháng 05 năm 2010
Giấy phép 98/GPĐC-UBCK	Ngày 06 tháng 07 năm 2012
Giấy phép 36/GPĐC-UBCK	Ngày 12 tháng 08 năm 2015
Giấy phép 04/GPĐC-UBCK	Ngày 25 tháng 01 năm 2017

Vốn điều lệ : 56.000.000.000 đồng;

Vốn pháp định : 10.000.000.000 đồng.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở tại Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41 - 43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

1. Các văn bản pháp quy áp dụng

Báo cáo tỷ lệ An toàn Tài chính đã được lập phù hợp với các qui định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập trên cơ sở số liệu tài chính của riêng Công ty tại ngày lập báo cáo.

Các thức diễn giải được áp dụng trong trường hợp không có hướng dẫn cụ thể trong Thông tư 87/2017/TT-BTC và các văn bản khác.

2. Mục đích lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty và không phù hợp để sử dụng cho các mục đích khác.

3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty thực hiện lập báo cáo bằng đồng Việt Nam (“VND”).

III. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

1. Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng là thước đo mức độ an toàn tài chính của công ty, phản ánh khả năng của công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty.

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức quy định trong thông tư số 87/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng} \times 100\%}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

Trong đó, Tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

2. Vốn khả dụng

Vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu sẵn sàng để đáp ứng nghĩa vụ đến hạn trong vòng 90 ngày.

Theo quy định trong Thông tư 87/2017/TT-BTC, vốn khả dụng của công ty được xác định bằng tổng vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng chín mươi (90) ngày.

Vốn khả dụng của công ty được điều chỉnh tăng thêm bởi các khoản sau:

- Giá trị của các khoản nợ có thời hạn ban đầu là 5 năm của công ty có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu;
- Các khoản nợ có thời hạn ban đầu trên 10 năm đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với ủy ban chứng khoán nhà nước; và
- Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với công ty cũng như các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo an toàn tài chính.

Tổng giá trị các khoản được sử dụng để bổ sung vốn khả dụng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu. Đối với các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu và các khoản nợ đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty khấu trừ 20% giá trị ban đầu mỗi năm trong thời gian năm (5) năm cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/ chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông và khấu trừ 25% giá trị còn lại mỗi quý trong thời hạn bốn (4) quý cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/ chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh giảm bởi giá trị của các khoản mục sau:

- Vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phiếu quỹ (nếu có);
- Năm mươi phần trăm phần giá trị giảm đi của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật;
- Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các khoản đầu tư không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty và chứng khoán có thời gian hạn chế chuyển nhượng còn lại 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo an toàn tài chính;
- Các tài sản dài hạn và tài sản ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày;
- Các khoản ngoại trừ trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán nếu có.

Khi xác định phần giảm trừ khỏi vốn khả dụng, Công ty điều chỉnh giảm bớt phần giá trị giảm trừ một khoản bằng giá trị nhỏ nhất của giá trị thị trường của tài sản, giá trị sổ sách và giá trị còn lại của các nghĩa vụ (đối với tài sản được dùng làm tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ của Công ty hoặc cho bên thứ ba).

3. Giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá trị thị trường của tài sản đang sở hữu biến động theo chiều hướng bất lợi và được công ty xác định khi kết thúc ngày giao dịch theo công thức sau:

Giá trị rủi ro thị trường = Vị thế ròng x Giá tài sản x Hệ số rủi ro thị trường

Trong đó, vị thế ròng của rủi ro chứng khoán đang nắm giữ của công ty tại thời điểm lập báo cáo, sau khi đã điều chỉnh giảm bớt số chứng khoán cho vay và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp với quy định của pháp luật.

Các tài sản không được xác định giá trị rủi ro thị trường bao gồm:

- Cổ phiếu quỹ;
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
 - + Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty;
 - + Là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của công ty mẹ của Công ty.
- Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày, kể từ ngày tính toán.
- Trái phiếu, các công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn.

3.1 Hệ số rủi ro thị trường

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo quy định trong thông tư số 87/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

3.2 Giá trị rủi ro tăng thêm

Giá trị rủi ro thị trường của các tài sản sẽ được điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong quá trình bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 10% tới 15% Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh doanh chứng khoán;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 15% tới 25% Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh doanh chứng khoán;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 25% trở lên Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

4. Giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi các đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau:

- Đối với các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; các khoản phải thu; các khoản phải thu khác và tài sản khác có tiềm ẩn rủi ro thanh toán, giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng, được xác định theo công thức:

$$\text{Giá trị rủi ro thanh toán} = \text{Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác} \times \text{Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán}$$

- Đối với hợp đồng bảo lãnh phát hành ký với các tổ chức khác trong tổ hợp bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn mà Công ty là tổ chức bảo lãnh phát hành chính, giá trị rủi ro thanh toán được xác định bằng 30% giá trị còn lại của các hợp đồng bảo lãnh phát hành chưa được thanh toán;
- Đối với các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản khác quá hạn, chứng khoán chưa nhận chuyển giao đúng hạn, kể cả chứng khoán, tiền chưa nhận được từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật đã đáo hạn, giá trị rủi ro thanh toán được xác định theo nguyên tắc sau:

$$\text{Giá trị rủi ro thanh toán} = \text{Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian} \times \text{Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán}$$

4.1 Hệ số rủi ro thanh toán

Căn cứ Thông tư số 87/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, hệ số rủi ro trước thời hạn thanh toán cho loại giao dịch “Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác” đối với “Các tổ chức, cá nhân khác” mà Công ty áp dụng là 6%.

Căn cứ Thông tư số 87/2017/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành, hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian cho các khoản phải thu quá thời hạn từ 60 ngày trở đi mà Công ty áp dụng là 100%.

4.2 Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại. Tại Công ty chỉ tính rủi ro cho loại giao dịch “Tiền gửi có kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán” là toàn bộ giá trị khoản cho vay/tiền gửi.

4.3 Giảm trừ giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Công ty điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản đảm bảo của đối tác, khách hàng khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

Đối tác, khách hàng có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản bảo đảm là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;

Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản bảo đảm trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thỏa thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản giảm trừ được xác định như sau:

$$\text{Giá trị tài sản đảm bảo} = \frac{\text{Khối lượng tài sản x giá tài sản}}{\text{tài sản}} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường})$$

4.4 Tăng thêm giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ 10% tới 15% Vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ 15% tới 25% Vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ 25% Vốn chủ sở hữu trở lên.

4.5 Bù trừ song phương giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được bù trừ song phương khi:

- Rủi ro thanh toán liên quan tới cùng một đối tác;
- Rủi ro thanh toán phát sinh đối với cùng một loại hình giao dịch; hoặc
- Việc bù trừ ròng song phương đã được các bên thống nhất trước bằng văn bản.

Thời hạn thanh toán/nhận chuyển giao chứng khoán là T+2 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết) hoặc T+n (đối với các giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n ngày theo thỏa thuận của hai bên).

5. Giá trị rủi ro hoạt động

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Rủi ro hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán được xác định bằng 25% chi phí duy trì hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán trong vòng mười hai (12) tháng liền kề tính tới tháng gần nhất, hoặc 20% Vốn pháp định theo quy định của pháp luật, tùy thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41 - 43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Chi phí duy trì hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ, trừ đi:

- Chi phí khấu hao;
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn;
- Dự phòng phải thu khó đòi.

IV. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau niên độ

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2020 yêu cầu phải được điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2020.

Quyền kế toán trưởng



PHAN THỊ MINH HUYỀN

Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ



NGUYỄN THỊ MỸ TIÊN

Tổng Giám đốc



ĐẶNG QUANG TÝ

